

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC GIANG**

Số: 5999 /CTBGI-TTHT
V/v hướng dẫn thực hiện
Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 03 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 về một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15.

Căn cứ Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 về việc công bố Danh sách các địa bàn cấp huyện, thành phố chịu tác động của dịch Covid-19 trong năm 2021.

Để việc thực hiện đúng đối tượng áp dụng, các loại thuế được miễn, giảm, cách xác định số thuế được miễn, giảm và trình tự, thủ tục thực hiện. Cục Thuế tỉnh Bắc Giang thông báo đến các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, những điểm cần lưu ý như sau:

1. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1. **Đối tượng áp dụng:** Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (gọi chung là doanh nghiệp), bao gồm: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam; Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã; Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam; Tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập.

1.2. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021, đối với trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 1.1 nêu trên, có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019. Không áp dụng tiêu chí doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019 đối với trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách trong kỳ tính thuế năm 2020 và năm 2021 (Cụ thể được quy định tại khoản a, khoản b điểm 2, Điều 1 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP).

1.3. Cách xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm: Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của kỳ tính thuế năm 2021 được tính trên toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm quy định tại Nghị định này được tính trên số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế năm 2021, sau khi đã trừ đi số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.4. Kê khai, giảm thuế: Căn cứ doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019 và dự kiến doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021, doanh nghiệp tự xác định số thuế được giảm khi tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý. Doanh nghiệp xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức được giảm để kê khai theo mẫu tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và trên Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP (Cụ thể được quy định tại khoản a, khoản b, khoản c điểm 4, Điều 1 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP).

2. Miễn thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2.1. Đối tượng áp dụng: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là cá nhân cư trú hoạt động trong mọi ngành nghề, hình thức khai thuế, nộp thuế, có hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa bàn huyện, thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là địa bàn cấp huyện) chịu tác động của dịch Covid-19 trong năm 2021.

*Đối với địa bàn tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 về việc công bố Danh sách các địa bàn cấp huyện, thành phố chịu tác động của dịch Covid-19 trong năm 2021.

2.2. Miễn thuế phải nộp: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này được miễn số thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021.

Không áp dụng việc miễn thuế quy định tại khoản này đối với các khoản thu nhập, doanh thu từ cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số; quảng cáo số.

Các trường hợp đã nộp số thuế phát sinh phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021 thì sẽ được cơ quan thuế xử lý bù trừ số tiền thuế nộp thừa với các khoản nợ hoặc khoản phát sinh của các kỳ tiếp theo và xử lý hoàn nộp thừa (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2.3. Căn cứ xác định số thuế được miễn:

a) Đối với trường hợp cơ quan thuế phải ra Thông báo nộp tiền: Cơ quan thuế căn cứ số thuế phải nộp của các tháng trong quý III, quý IV năm 2021 trên Thông báo nộp tiền để xác định số thuế được miễn của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

b) Đối với trường hợp cơ quan thuế không phải ra Thông báo nộp tiền: Người nộp thuế (bao gồm cả tổ chức, cá nhân khẩu trù, khai thay, nộp thay cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn quyền/lẻ) căn cứ số thuế phải nộp theo Tờ khai thuế để xác định số thuế được miễn của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các tháng trong quý III, quý IV năm 2021. Trường hợp thuộc diện khai thuế theo kỳ thanh toán hoặc khai thuế theo năm (cho thuê tài sản, xây dựng nhà tư nhân, khai từng lần phát sinh khác) thì số thuế được miễn là số thuế phải nộp tương ứng với doanh thu thực tế phát sinh của các tháng trong quý III, quý IV năm 2021. Trường hợp hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không xác định được doanh thu thực tế phát sinh của các tháng trong quý III, quý IV năm 2021 thì xác định theo doanh thu bình quân tháng theo giá trị hợp đồng.

Trường hợp hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ký trong tháng thì thời gian của hợp đồng được tính đủ tháng.

2.4. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đối với trường hợp cơ quan thuế phải ra Thông báo nộp tiền: Cơ quan thuế lập danh sách hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện quản lý tại địa bàn để xác định đối tượng được miễn thuế; Căn cứ số thuế phải nộp của từng hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo Thông báo nộp tiền trên cơ sở dữ liệu, để xác định số thuế được miễn; Ban hành 01 Quyết định miễn thuế kèm theo danh sách toàn bộ các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được miễn thuế theo biểu mẫu quy định; Ban hành Thông báo miễn thuế theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 sau khi ban hành Quyết định miễn thuế, gửi đến từng hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định.

b) Đối với trường hợp cơ quan thuế không phải ra Thông báo nộp tiền: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; tổ chức, cá nhân khai trừ, khai thay, nộp thay cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn quyền/lẽ tự xác định số thuế phải nộp sau khi miễn thuế để khai trên Tờ khai thuế, đồng thời lập bản xác định số thuế được miễn theo Mẫu số 01-1/PL-CNKD Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP để nộp kèm theo Tờ khai thuế.

3. Giảm thuế giá trị gia tăng

3.1. Giảm thuế giá trị gia tăng kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với hàng hóa, dịch vụ, bao gồm:

a) Dịch vụ vận tải (vận tải đường sắt, vận tải đường thủy, vận tải hàng không, vận tải đường bộ khác); dịch vụ lưu trú; dịch vụ ăn uống; dịch vụ của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

b) Sản phẩm và dịch vụ xuất bản; dịch vụ điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc; tác phẩm nghệ thuật và dịch vụ sáng tác, nghệ thuật, giải trí; dịch vụ của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; dịch vụ thể thao, vui chơi và giải trí.

c) Chi tiết hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế quy định tại điểm a, điểm b khoản này thực hiện theo Phụ lục I Danh mục hàng hóa, dịch vụ được giảm mức thuế giá trị gia tăng ban hành kèm theo Nghị định này. Trong đó hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b khoản này không bao gồm phần mềm xuất bản và các hàng hóa, dịch vụ sản xuất kinh doanh theo hình thức trực tuyến.

d) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng.

3.2. Mức giảm thuế giá trị gia tăng

a) Doanh nghiệp, tổ chức tính thuế giá giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được giảm 30% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Doanh nghiệp, tổ chức tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 30% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

3.3. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đối với doanh nghiệp, tổ chức tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, khi lập hóa đơn giá trị gia tăng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại dòng thuế suất thuế giá trị gia tăng ghi “mức thuế suất theo quy định (5% hoặc 10%) x 70%”; tiền thuế giá trị gia tăng; tổng số tiền người mua phải thanh toán.

b) Đối với doanh nghiệp, tổ chức tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu, khi lập hóa đơn bán hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng tại cột “Thành tiền: ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm, tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ” ghi theo số đã giảm 30% mức tỷ lệ trên doanh thu, đồng thời ghi chú: “đã giảm...(số tiền) tương ứng 30% mức tỷ lệ để tính thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15”.

Đối với một số trường hợp khác như: doanh nghiệp kinh doanh nhiều hàng hóa, dịch vụ; doanh nghiệp đã lập hóa đơn và đã kê khai; doanh nghiệp đã phát hành hóa đơn đặt in dưới hình thức vé có in sẵn mệnh giá chưa sử dụng hết, thực hiện kê khai hàng hóa, dịch vụ được giảm ...được quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 3 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP.

4. Miễn tiền chậm nộp

4.1. Miễn tiền chậm nộp phát sinh trong năm 2020 và năm 2021 của các khoản nợ tiền thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) phát sinh lỗ trong kỳ tính thuế năm 2020.

4.2. Xác định số tiền chậm nộp được miễn: Cơ quan thuế quản lý căn cứ dữ liệu quản lý thuế, xác định số tiền chậm nộp phát sinh trong năm 2020, năm 2021 của người nộp thuế, để thủ trưởng cơ quan thuế quản lý ban hành quyết định miễn tiền chậm nộp.

4.3 Trình tự, thủ tục, hồ sơ xử lý miễn tiền chậm nộp

Người nộp thuế lập văn bản đề nghị miễn tiền chậm nộp, trong đó nêu rõ số lỗ phát sinh của kỳ tính thuế năm 2020 theo Mẫu số 01/MTCN Phụ lục II Nghị định số 92/2021/NĐ-CP, gửi đến cơ quan thuế quản lý bằng phương thức điện tử hoặc gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị miễn tiền chậm nộp của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành Thông báo không chấp nhận miễn tiền chậm nộp hoặc Quyết định miễn tiền chậm nộp theo

từng trường hợp và Quyết định được gửi cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử và đăng công khai trên Trang thông tin điện tử ngành Thuế.

Đối với một số trường hợp khác, được quy định tại khoản c điểm 4, điểm 5, điểm 6 Điều 4 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP.

5. Để thuận tiện cho việc tra cứu và thực hiện, Cục Thuế gửi Thông báo này đến địa chỉ Email của tất cả các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Thông báo này được gửi kèm theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15; Nghị định số 92/2021/NĐ-CP và Quyết định số 2389/QĐ-UBND), đồng thời đăng tải trên Trang thông tin điện tử Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, tại địa chỉ: <http://bacgiang.gdt.gov.vn/wps/portal>

Cục Thuế tỉnh Bắc Giang thông báo đến các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang biết và thực hiện./. *UV*

Nơi nhận: ✓

- Như trên (Email);
- Các Chi cục Thuế khu vực.
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT,TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Hùng